

Vài nét về tình trạng nghèo đói của người Nùng ở xã Liên Sơn, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn

LÊ MINH ANH

Xã Liên Sơn thuộc huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn. Liên Sơn có dân số là 827 người, 111 hộ. Trong đó nữ có 412 người chiếm 49,81%, nam 415 người chiếm 50,18%. Toàn xã có 825 người thuộc dân tộc Nùng Phần Slinh - nhóm địa phương của người Nùng, duy chỉ có 2 phụ nữ là người dân tộc Tày về làm dâu tại xã. Dân số toàn xã chủ yếu tập trung ở ba thôn: Bản Lăm, Hợp Đường và Thiên Cầm. Bài viết tập trung trình bày về tình trạng nghèo đói và nguyên nhân dẫn đến tình trạng đói nghèo hiện nay của người Nùng Phần Slinh cư trú tại một xã vùng cao tỉnh Lạng Sơn.¹

1. Quan niệm của người dân

Chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn sâu 47 hộ gia đình ở bản Vàng Hì, bản Nà Lện, bản Thảng Khủi thuộc thôn Bản Lăm và 15 hộ khác ở hai thôn Hợp Đường và Thiên Cầm. Đa số các chủ hộ được phỏng vấn đều đưa ra nhận thức về hộ nghèo đói trên địa bàn mình cư trú như sau:

Những hộ gia đình thuộc loại nghèo đói là không có gạo ăn, thiếu gạo ăn từ 3 tháng đến 5 hoặc 6 tháng; những hộ này không có ruộng hoặc bình quân đầu lao động dưới 1,7 sào ruộng; không có trâu, bò cày kéo, lợn; nợ nần bà con trong bản và ngân hàng do vay để mua lương thực, thực phẩm và chi phí cho may mặc, chữa bệnh và mua đồ thiết yếu khác.

2. Thực trạng đói nghèo tại Liên Sơn

a. Đời sống, tài sản và thu nhập kinh tế

Thực tế hiện nay ở Liên Sơn, ngoài thu nhập chính đối với các hộ gia đình ở Liên Sơn từ cây lúa và ngô ra, không còn nguồn thu nào khác trong năm. Hầu hết các sản phẩm ít ỏi từ chăn nuôi có được chỉ để tiêu dùng vào dịp lễ tết, đám ma, đám cưới hay giúp đỡ bà con, anh em, ít được đem bán. Ngô và gạo là hai lượng thực chủ đạo hiện nay của người Nùng Phần Slinh ở Liên Sơn. Hộ gia đình Nùng Phần Slinh xã Liên Sơn thường ăn 2 bữa một ngày vào buổi trưa và tối. Đến gia đình nào ở Liên

¹ Những số liệu sử dụng trong bài viết là kết quả nghiên cứu đề tài cấp Viện "Nghiên cứu về xoá đói giảm nghèo của các dân tộc miền núi phía Bắc", tiến hành tháng 8 năm 2003.

Sơn ta cũng bắt gặp một chảo to chảo ngô được những người phụ nữ chuẩn bị từ sáng sớm để cho các thành viên gia đình ăn sáng.

Hộ gia đình có thu được vài tạ thóc, nhưng họ phải bán đi với số lượng đáng kể dùng vào mua phân bón cho vụ sau. Nhiều hộ gia đình phải bán thóc để chi trả cho các công việc đột xuất như dịch vụ y tế, giáo dục. Đây cũng là một trong những nguyên nhân đẩy hộ gia đình vào tình trạng thiếu gạo ăn.

Nhà ở là một trong những chỉ tiêu quan trọng để đánh giá tài sản vật chất của hộ gia đình nông dân. Hầu hết nhà của tộc người Nùng Phần Slinh đều là những ngôi nhà tường đất, nền đất, mái lợp ngói hoặc cỏ tranh. Trong tổng số 111 hộ trong toàn xã không một hộ gia đình nào có nhà kiên cố (nhà xây tường gạch, mái đổ bê tông...). Số nhân khẩu có diện tích nhà ở từ 10 - 15 m vuông chỉ đạt 12 %.

b. Lao động và việc làm

Vấn đề lao động ở xã có hai xu hướng: thứ nhất, có một bộ phận hộ gia đình đang trong tình trạng thiếu lao động chính (từ 18 tuổi trở lên) nhưng lại đông nhân khẩu ăn theo. Số hộ này thường rơi vào cặp vợ chồng trẻ. Thứ hai, số người trong độ tuổi lao động (từ 18 đến 35) đang trong tình trạng dư thừa nhưng lại thiếu công ăn việc làm, đặc biệt là thiếu đất để canh tác. Số lao động dư thừa này không đi ra ngoài xã tìm các công việc khác để kiếm sống như một số bà con ở vùng đồng bằng di cư từ nông thôn ra thành thị kiếm việc làm. Hiện nay do sản xuất nông nghiệp của xã chỉ mang tính thời vụ, nên mới chỉ sử dụng hết 75% số lao động, còn lại khoảng 25% lao động dư thừa và thiếu việc làm. Tình trạng thừa lao động, thiếu việc làm, thiếu đất canh tác là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng di cư tự do của bà con từ năm 1981 trở lại đây ở xã Liên Sơn.

c. Vay mượn và nợ nần

Khi thiếu gạo để ăn, hay thiếu tiền để trang trải cho các nguồn chi tiêu thường ngày hay đột xuất như đến trạm y tế... lúc gặp rủi ro hoạn nạn, các hộ gia đình rất dễ bị rơi vào tình trạng phải đi vay để trang trải cho những khoản chi tiêu đó. Thông thường hộ gia đình thường vay nợ của bà con hàng xóm, vay anh chị em trong họ và vay ngân hàng.

Tại xã Liên Sơn có trên 40 hộ gia đình vay nợ ngân hàng từ 2 năm mà chưa có điều kiện chi trả. Trong xã có khoảng 20 hộ vừa tiến hành vay ngân hàng từ 3.000.000đ đến 5.000.000đ để dùng vào mục đích chăn nuôi. Nhưng có một thực tế đang diễn ra tại xã là nhiều hộ gia đình không dám vay tiền của ngân hàng để dùng vào các mục đích chăn nuôi hay sản xuất.

d. Giáo dục và nguy cơ tái mù chữ

Qua tìm hiểu của chúng tôi thì chủ hộ của 111 hộ trong xã chủ yếu là học dưới bậc tiểu học hoặc không được đi học. Bà chủ tịch Hội Phụ nữ và ông Bí thư Đảng ủy là hai chủ hộ có trình độ học vấn cao nhất xã hiện nay, lớp 7 và lớp 10. Đặc biệt phụ nữ trong xã ít được đi học, hầu như không nói và hiểu được tiếng phổ thông.

Trong xã hiện có khoảng 50% số trẻ em đang trong độ tuổi đi học tiểu học được đến trường. Hầu như các em trong xã đều quá 1 - 2 tuổi mới vào lớp 1. Vì nhà các em cách xa trường đi học nên không thể tự mình đi được và phải đi qua nhiều khe suối. Số học sinh theo học Trung học cơ sở rất thấp, cả xã có 15 em đang theo học lớp 8 và lớp 9 tại xã Lâm Sơn. Hầu hết các em gái Nùng đều ít đến trường học. Vẫn là những quan niệm cũ, phụ nữ vẫn phải lo gánh vác công việc gia đình, nội trợ là chính, học là phụ, không học cũng không sao. Có hai đối tượng thuộc hai nhóm tuổi bị mù chữ và tái mù chữ nhiều nhất ở Liên Sơn là từ 10 đến 15 tuổi và 35 đến 40 tuổi.

e. Sức khoẻ và bệnh tật

Trạm y tế xã hiện nay có 2 người, một y tá và 1 y sỹ, chủ yếu là cung cấp thuốc cho bà con theo danh mục thuốc cấp không cho dân thuộc diện các xã đặc biệt khó khăn. Việc sinh đẻ và tiêm phòng tại trạm y tế hầu như ít diễn ra, vì bà con còn giữ phong tục sinh tại nhà. Vấn đề tiêm phòng cho trẻ em theo định kỳ tại xã còn gặp nhiều khó khăn. Hiện khoảng 60 đến 70% số trẻ em trong xã được tiêm phòng. Nhiều lần trạm y tế cử nhân viên đi từng hộ gia đình có con trong độ tuổi tiêm phòng để tiêm mà gia đình không cho tiêm. Chị em phụ nữ hiện nay rất ít dùng các biện pháp tránh thai. Họ thường dùng bài thuốc cổ truyền để uống khi không muốn sinh con. Khi nào muốn sinh, lại uống một loại lá cây khác.

Các căn bệnh phổi, hô hấp, đường ruột ở trẻ nhỏ cũng không phải là hiếm. Sự thiếu thốn về lương thực, thực phẩm và thiếu kiến thức về chăm sóc trẻ sơ sinh luôn là người bạn đồng hành đối với không ít gia đình thiếu đói.

g. Vai trò của người phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội

Người phụ nữ Nùng Phàn Slinh Liên Sơn chỉ biết lo các công việc gia đình một cách cần mẫn và như là sự cam chịu những thiệt thòi trong gia đình so với người đàn ông. Họ hầu như rất ít được tham gia hay quyết định các công việc lớn như làm nhà, cưới vợ gả chồng cho con, vay tiền của ngân hàng để sản xuất, chuyển đổi các loại cây trồng giống mới cũng như những công việc hệ trọng khác trong gia đình. Đặc biệt là họ rất ít khi đi dự những đám cỗ của bà con trong họ hay trong bản. Và ngay cả đối với các buổi sinh hoạt, họp hành của các tổ chức đoàn thể cũng rất ít thấy sự tham gia của họ. Có lẽ một phần do tập quán truyền thống, người phụ nữ Nùng Phàn Slinh rất ngại tiếp xúc với mọi người trước đám đông. Nhưng thường những lý do luôn được đưa ra về việc khiến họ không tham gia bất cứ cuộc họp hành sinh hoạt nào là: bận bịu con cái và công việc nhà.

h. Đối phó với khó khăn chủ yếu bằng khả năng của chính gia đình.

Đói nghèo của đồng bào ở xã Liên Sơn không phải là điều đặc biệt hay chưa từng xảy ra. Họ vẫn bị thiếu gạo ăn nhưng không xảy ra tình trạng thiếu gạo gắt như hiện nay. Vì trước đây đồng bào có thể tiến hành khai thác các nguồn củ, quả, rau ở những cánh rừng trong bản, nay những cánh rừng này đã được giao cho từng

hộ gia đình. Việc khai thác rừng tự nhiên một cách tự do không còn tồn tại nữa. Ngày nay, cuộc sống của đồng bào chủ yếu dựa vào hạt thóc.

Ngoài thiếu lương thực để ăn hàng ngày, đồng bào còn thiếu tiền trong việc chi tiêu cho các nhu yếu phẩm như dầu thắp, muối ăn, mỡ ăn, và các phí tổn thuốc men do ốm đau, bệnh tật hay các cuộc thăm viếng người thân, mừng đám cưới,... Gặp những lúc như vậy, người dân chỉ biết đem cân thóc, con gà đi bán hoặc phải vay nợ tạm một vài trăm ngàn của người thân mà không phải trả lãi như ở đô thị hay kiểu" tín dụng "thuê tiền nặng lãi" ở một số nơi đồng bằng miền xuôi.

3. Nguyên nhân của sự nghèo đói tại Liên Sơn

a. Đất đai, khí hậu, sản xuất nông nghiệp độc canh và sự bất lợi

Tổng diện tích đất đai toàn xã là 1.450 ha. Trong đó, đất nông nghiệp 85 ha chiếm 14,8% tổng diện tích đất toàn xã. Đất dùng chuyên trồng lúa chỉ có 69,4 ha (4,78% tổng diện tích). Trong đó, 19,8 ha đất cấy lúa hai vụ, còn lại 49,6 ha chỉ cấy được một vụ. Đất để cấy lúa lại toàn là đất dốc, bạc màu. Đây là những yếu tố hết sức bất lợi về đất đai mà người dân trong vùng phải gánh chịu và có thể là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng di cư tự do của đồng bào vào các tỉnh Tây Nguyên và Nam Bộ.

b. Giao thông luôn là mối quan ngại

Xã Liên Sơn cách thị xã Lạng Sơn 28 km và thị trấn Đồng Mỏ của huyện Chi Lăng 30 km. Các tuyến đường giao thông liên thôn, liên xã, liên huyện và liên tỉnh đều là đường đất. Các phương tiện xe cộ chỉ có thể hoạt động được khi trời nắng ráo. Còn trời mưa các tuyến đường này rất lầy lội và bị cắt bởi nhiều con suối mà xã chưa thể có kinh phí để xây gầm qua suối, nên việc lưu thông hàng hóa và đi lại của bà con gặp nhiều khó khăn. Chính sự bất lợi này là rào cản rất lớn trong giao lưu kinh tế - văn hóa của người Liên Sơn đối với các vùng lân cận và bên ngoài.

c. Khoa học kỹ thuật và hưởng thụ văn hóa

Cơ cấu kinh tế của các hộ gia đình Nùng Phàn Slinh ở Liên Sơn vẫn dựa vào các nguồn thu từ nền sản xuất nông nghiệp truyền thống là trồng trọt và chăn nuôi. Một nguyên nhân dẫn tới tình trạng thiếu ăn của tộc người Nùng Phàn Slinh ở Liên Sơn là đồng bào còn chưa thật sự tin tưởng và áp dụng các loại giống mới có năng suất cao. Vấn đề ngành nghề phi nông nghiệp hoàn toàn vắng bóng ở Liên Sơn. Sở dĩ các ngành nghề phi nông nghiệp không phát triển vì: khả năng tổ chức, cơ hội tiếp cận tín dụng, nguồn lao động chất lượng thấp nếu không muốn nói là không có tay nghề, kỹ thuật.

Phương tiện phổ biến nhất ở các hộ gia đình hiện nay là chiếc đài bán dẫn được Nhà nước cấp cho đồng bào vùng sâu, vùng xa đặc biệt khó khăn. Nhưng khi nghe đài tiếng nói Việt Nam phát tiếng phổ thông thì hầu hết bà con không hiểu được nên họ rất ít khi nghe. Đa phần là đài bán dẫn của các hộ gia đình đều bắt sóng phát thanh đài Quảng Tây (Trung Quốc) để nghe tiếng Choang.

4. Kết luận

Những bất lợi về đất đai, giao thông, khí hậu thời tiết, cung cách lao động truyền thống, sự hạn chế giao tiếp, v.v... đang đẩy tộc người này vào tình trạng nghèo đói hơn. Vấn đề đặt ra là, nếu người Nùng Liên Sơn đã và vẫn cứ dựa vào cung cách ứng xử và mối quan hệ cổ truyền để tạo ra sự cân bằng đối với sự tồn tại cho cộng đồng mình trong môi trường kinh tế - xã hội ít sôi động, sống theo tập tục cổ truyền. Và, lấy việc chuyển cư tự do đi nơi khác làm lối thoát cho sức ép về gia tăng dân số cũng như sự cạn kiệt về tài nguyên, thu hẹp về đất canh tác thì là lối thoát không mang tính phát triển.

An toàn lương thực tại xã Liên Sơn đang là một vấn đề nổi cộm lớn. Trong khi số liệu báo cáo rất khác xa so với tình trạng nghèo đói mà người dân nơi đây đang phải trải qua. Theo khảo sát của chúng tôi, thì tình trạng thiếu lương thực (thiếu gạo) của hộ gia đình vào khoảng 50% tổng số hộ trong toàn xã. Ngoài số hộ thiếu gạo ăn một vài tháng trở lên thì còn tới 30 - 40 % số hộ trong xã thuộc nhóm nguy cơ cao về mất an toàn lương thực. Trước mắt cũng có thể không thiếu gạo ăn, nhưng khi gặp rủi ro trong sản xuất như thiên tai mất mùa thì hộ sẽ rơi vào tình trạng thiếu lương thực để sử dụng.

Tài liệu tham khảo

1. Công ty ADUKI: *Vấn đề nghèo đói ở Việt Nam*. Nxb. Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 1996.
2. IFAD. *Assessment of Rural Poverty Asia and the Pacific*. Rome, 2002.
3. Kevin Watkins. *Báo cáo của Oxfam về tình trạng nghèo khổ trên thế giới*. Nxb. Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 1997.
4. Lương Hồng Quang (chủ biên). *Văn hóa của nhóm nghèo ở Việt Nam thực trạng và giải pháp*. Viện Văn hóa & Nxb. Văn hóa thông tin. Hà Nội - 2001.
5. Liên hiệp quốc (UNDP, UNFPA, UNICEF). *Xoá đói giảm nghèo ở Việt Nam*. Hà Nội tháng 10 - 1995.
6. Ngân hàng thế giới: *Việt Nam đánh giá sự nghèo đói và chiến lược*. Hà Nội, 1995.
7. Ngân hàng thế giới: *Việt Nam tấn công nghèo đói. (Báo cáo phát triển của Việt Nam 2000 - Báo cáo chung của nhóm cộng tác các chuyên gia chính phủ - Nhà tài trợ - Tổ chức phi chính phủ)*.
8. Ngân hàng thế giới: *Việt Nam tiếng nói của người nghèo*. Hà Nội, tháng 11- 1999.
9. Ngân hàng thế giới: *Báo cáo phát triển Việt Nam năm 2004*.
10. Lê Phụng: *Về tình hình nghiên cứu nghèo đói ở nước ta trong thời kỳ đổi mới*. Tạp chí Xã hội học, số 1 năm 2000.